

Số: 04 /2021/QĐST - DS

Cẩm Phả, ngày 15 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v : yêu cầu tuyên bố một người là đã chết

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đặng Thị Minh Nga;

Thư ký phiên họp: Bà Bùi Kim Uyên – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên họp:
Bà Phạm Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 07 năm 2021, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu tuyên bố một người là đã chết; theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2021/QĐST- DS ngày 05 tháng 07 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959; nơi làm việc: Không; Nơi ĐKNKTT: Số nhà 01, tổ 9, khu N, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị M (tức Tẹo), sinh năm 1963 cùng có nơi ĐKNKTT và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 1, khu N (cũ), nay là tổ 1, khu L, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị C – sinh năm: 1966; Nơi ĐKNKTT : Tổ 49, khu H 1, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Chị Hoàng Thị K – sinh năm: 1962; Nơi ĐKNKTT: Tổ 4, khu 2, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Ông Trạc Văn H – sinh năm 1957, Nơi ĐKNKTT: Tổ 10, khu N, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thị C và chị Hoàng Thị K có đơn xin vắng mặt tại phiên họp, ông Trạc Văn H có mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Trong đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bố tôi là Nguyễn Văn Đ, mẹ tôi là Nguyễn Thị L, bố mẹ tôi có 6 người con lần lượt là: Nguyễn Văn L; Nguyễn Văn Ph; Nguyễn Thị B (là tôi); Nguyễn Văn T; Nguyễn Thị M (tức Tẹo) và Nguyễn Thị C. Từ năm 1946, bố mẹ tôi đã sinh sống tại tổ 1 khu N cũ, nay là tổ 1 khu L, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Hiện nay bố mẹ tôi đã chết, trước khi chết mẹ tôi cho tôi một mảnh đất tại tổ 67 khu D, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Để làm thủ tục pháp lý chuyển thừa đất mẹ tôi cho tôi thì phải có đầy đủ ý kiến của các anh chị em tôi, nhưng do anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Văn T đã chết, còn anh Nguyễn Văn Ph và em Nguyễn Thị M bỏ nhà đi từ những năm 1985, đi đâu không ai biết. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án tuyên bố là đã chết đối với anh Nguyễn Văn Ph và em Nguyễn Thị M. Trước khi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự tôi đã nhắn tìm anh Ph và em M trên Đài Truyền hình Việt Nam và Trung tâm truyền thông tỉnh Quảng Ninh, nhưng đều không có thông tin gì của anh Ph và em M.

Tại phiên họp bà Nguyễn Thị B trình bày: Khi anh Ph và em M bỏ nhà đi khi đó anh Ph chưa lấy vợ, không có con, em M chưa lấy chồng và cũng không có con, anh chị em ruột của anh Ph, em M hiện nay chỉ còn có tôi và em Nguyễn Thị C chị Hoàng Thị K là chị dâu, ông Trạc Văn H là anh họ.

Người làm chứng là: Chị Nguyễn Thị C, chị Hoàng Thị K và ông Trạc Văn H; chị C chị K vắng mặt tại phiên họp nhưng đơn xin vắng mặt đều trình bày thống nhất nội dung như bà B trình bày: ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị M (Tẹo) bỏ nhà đi biệt tích từ năm 1985 cho đến nay không ai biết tin tức gì. Ông Trạc Văn H có mặt tại phiên họp xác nhận nội dung: ông biết ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị M từ nhỏ, khoảng năm 1990 ông biết ông Ph bà M bỏ nhà đi đâu không ai biết, từ thời điểm ông Ph bà M bỏ đi cho đến nay không có thông tin về việc ông Ph, bà M là còn sống.

Công an phường C và khu phố xác nhận ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị M bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2000, cho đến nay không có thông tin gì là còn sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên họp, đủ cơ sở để kết luận, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị M bỏ đi biệt tích đã quá 05 năm và không có thông tin xác thực là còn sống, căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu tuyên bố một người là đã chết đối với ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự, người làm chứng và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết là ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị M có nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích là tại: Tổ 1, khu C (cũ là khu Núi Trọc), phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định

tại khoản 4 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Người yêu cầu là bà Nguyễn Thị B, người bị yêu cầu là ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị M là anh chị em ruột của nhau, cùng hàng thừa kế di sản của bố mẹ, bà Nguyễn Thị B yêu cầu tuyên bố chết đối với những người này nhằm mục đích làm thủ tục pháp lý sang nhượng thừa đất từ bố mẹ sang cho bà, vì vậy bà B có quyền yêu cầu tuyên bố một người là đã chết đối với ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị M theo quy định tại khoản 1 Điều 391 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị B thì thấy: Tài liệu gửi kèm theo đơn yêu cầu, bà B cung cấp tài liệu chứng minh bà đã thông báo tìm kiếm ông Nguyễn Văn Ph bà Nguyễn Thị M trên Đài Truyền hình Việt Nam và Trung tâm truyền thông tỉnh Quảng Ninh; Tài liệu do bà B cung cấp và tài liệu do Tòa án xác minh, cho thấy: ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị M có đăng ký hộ khẩu tại khu N thuộc tổ 1 cũ phường C thành phố Cẩm Phả từ năm 1973, từ năm 2000 cho đến nay không còn sinh sống tại địa phương, không biết đi đâu và không có thông tin gì về việc ông Ph bà M là còn sống. Nội dung về việc ông Ph, bà M bỏ nhà đi biệt tích, cho đến nay không có thông tin gì là còn sống còn được người làm chứng là chị Nguyễn Thị C, chị Hoàng Thị K và ông Trạc Văn H là những người thân thích của ông Ph và bà M xác nhận tại đơn trình bày và tại phiên họp.

Trong thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu, ngày 19/02/2021 Tòa án đã quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết. Quyết định trên đã được đăng trên Báo Công lý, Đài phát thanh VOV, Trung tâm truyền thông tỉnh Quảng Ninh trong 03 số liên tiếp (ngày đăng đầu tiên là ngày 03/3/2021). Đã hết thời hạn đăng thông báo 04 tháng nhưng cũng không có thông tin gì về ông Ph và bà M, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã quyết định mở phiên họp giải quyết đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị B.

Với các dẫn chứng trên, đủ căn cứ kết luận ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị M đã bỏ đi biệt tích đến nay đã quá 05 năm và không có tin tức xác thực là còn sống, là trường hợp Tòa án ra quyết định tuyên bố một người là đã chết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị M là đã chết là có cơ sở, được chấp nhận. Ông Ph, bà M bỏ đi biệt tích được xác định từ năm 2000, nên ngày chết của ông Ph, bà M được xác định là ngày 01/01/2006. Hậu quả pháp lý của người bị tuyên bố là đã chết theo quyết định của Tòa án được quy định tại Điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Do bà Nguyễn Thị B – sinh năm 1959 là người cao tuổi, bà B có đơn đề nghị được miễn tạm ứng lệ phí và lệ phí giải quyết việc dân sự. Nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà B được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm d khoản 1 Điều 71; Điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 391; Điều 393 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị B;

Tuyên bố: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị M (tức Tẹo), sinh năm 1963 cùng có nơi ĐKNKTT và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 1, khu N, nay là tổ 1, khu L, phường C thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh là đã chết; ngày chết đối với ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị M (tức Tẹo) là ngày 01/01/2006; hậu quả pháp lý của việc ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị M (tức Tẹo) bị tuyên bố là đã chết theo quy định tại Điều 72 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị B được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ quy định tại Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự: Người yêu cầu là bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, tính từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi và NV liên quan;
- UBND phường C
- VKS ND Tp Cẩm Phả;
- VKS ND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đặng Thị Minh Nga

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).
- (3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
- (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
- (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
- (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỢP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-VDS:

- (1) Ghi loại việc dân sự mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải Quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (ví dụ: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích; yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật; yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu;...).
- (2) và (5) Ghi tên Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc dân sự; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (3) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh và số chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và họ tên của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó. Nếu là người đại diện theo pháp luật thì sau họ tên ghi "- là người đại diện theo pháp luật của người có quyền yêu cầu" và ghi rõ họ tên của người có quyền yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi "- là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền yêu cầu theo văn bản ủy quyền được xác lập ngày" và ghi rõ họ tên của người có quyền yêu cầu. Trường hợp có nhiều người cùng làm đơn yêu cầu thì đánh số thứ tự 1, 2, 3,... và ghi đầy đủ các thông tin của từng người.
- (4) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó tại thời điểm làm đơn yêu cầu (ví dụ: thôn Bình An, xã Phú Cường, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội); nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó tại thời điểm làm đơn yêu cầu (ví dụ: trụ sở tại số 20 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).
- (6) Ghi cụ thể những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (7) Ghi rõ lý do, mục đích, căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự đó.
- (8) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của những người mà người yêu cầu nhận thấy có liên quan đến việc giải quyết việc dân sự đó.
- (9) Ghi những thông tin khác mà người yêu cầu xét thấy cần thiết cho việc giải quyết yêu cầu của mình.
- (10) Ghi rõ tên các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu, là bản sao hay bản chính, theo thứ tự 1, 2, 3,... (ví dụ: 1. Bản sao Giấy khai sinh của ông Nguyễn Văn A; 2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của ông Trần Văn B và bà Phạm Thị C;....).
- (11) Ghi địa điểm, thời gian làm đơn yêu cầu (ví dụ: *Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2018; Hưng Yên, ngày 18 tháng 02 năm 2019*).
- (12) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ của mình và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó. Trường hợp người yêu cầu là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều người cùng yêu cầu thì cùng ký và ghi rõ họ tên của từng người vào cuối đơn yêu cầu.